

Sự khai mở của Ramanuja cho trường phái Vishistadvaita Vedanta trong tác phẩm Gita Bhasya

Trần Kỳ Đồng*, Lê Đăng Khoa



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

TÓM TẮT

Những hệ lụy của công nghiệp hóa trong xã hội đương đại đang tạo ra những cảm nhận bi quan về thân phận con người. Sự tìm hiểu trở lại tư tưởng của Ramanuja - người khai mở cho trường phái Vishistadvaita, qua tác phẩm kinh văn *Śrīmad Bhagavad Gītā with Gita Bhasya of Bhagavad Ramanuja* (Những bài ca tôn vinh Thượng đế với bản văn của Đức thầy Ramanuja) có thể mở ra những cách thức Sống đáp ứng cho nhu cầu, khát vọng Sống của con người trong xã hội đương đại.

Nội dung của bài viết được khai triển chủ yếu bằng sự vận dụng phương pháp xác định ngữ ngôn (typology) và phương pháp chú giải dấu chỉ (semeion/sign) của thông diễn học. Nhóm tác giả cố gắng tường thuật trung thành những ý tưởng của Ramanuja trong hệ quan điểm: *Brahman - Atman - Con đường hòa nhập của Atman với Brahman thoát ra khỏi luân hồi sinh tử*, làm cơ sở cho sự tiếp cận nội dung cơ bản của trường phái phi nhị nguyên có phẩm tính (Vishistadvaita Vedanta) cũng như xác định ý nghĩa của hệ quan điểm này trong xã hội đương đại.

Brahman, trong diễn giải của Ramanuja, không chỉ là Đấng tối cao mà còn là Nguồn sáng với những phẩm chất: tình yêu vô tận, lòng nhân từ và ân sủng. Mỗi thực thể của sự Sống sẽ trở thành Atman khi đón nhận tia sáng Jiva từ Brahman. Giải thoát trong sự suy tưởng tâm linh là sự tỏa sáng hoàn toàn vẹn nguyên của tia sáng (Jiva) mà Brahman đã phóng chiếu vào mỗi thực thể Sống, là con đường hòa nhập của Atman với Brahman. Con đường này bao gồm Jnana Yoga (tri thức sáng suốt), Karma Yoga (hành động chính trực), và Bhakti Yoga (tận hiến).

Nếu xóa đi màn sương hữu thần trong tư tưởng của Ramanuja, chúng ta có thể nhận ra rằng các giá trị nhân văn trong Gita Bhasya của Ramanuja có thể góp phần xây dựng nền đạo đức toàn cầu - đạo đức sinh thái tôn giáo - mở ra một hướng đi mới cho sự thực hành hạnh phúc trong cuộc sống của con Người đương đại.

Từ khoá: Ramanuja, Gita Bhasya, Brahman, Atman, Con đường giải thoát vòng luân hồi sinh - tử

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM, Việt Nam

Liên hệ

Trần Kỳ Đồng, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM, Việt Nam

Email: kydongtran@hcmussh.edu.vn

Lịch sử

- Ngày nhận: 18/6/2024
- Ngày sửa đổi: 13/3/2025
- Ngày chấp nhận: 30/3/2025
- Ngày đăng:

DOI:



Bản quyền

© ĐHQG Tp.HCM. Đây là bài báo công bố mở được phát hành theo các điều khoản của the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



1 DẪN NHẬP

2 Đặt vấn đề

3 Trong xã hội đương đại, sự kết nối, hội tụ các nền văn
4 hóa lại diễn ra sự xung đột giữa các giá trị văn hóa
5 làm gia tăng sự bất hòa trong xã hội. Cuộc sống quá
6 phụ thuộc vào vật chất và kỹ thuật công nghệ làm tăng
7 thêm sự bi quan và tuyệt vọng của con người khi đứng
8 trước các hiểm họa của chiến tranh, của khủng hoảng
9 sinh thái. Những vấn đề này đang đe dọa sự Sống của
10 con người. Chúng ta phải thay đổi cuộc sống chúng
11 ta bằng cách nào? Câu hỏi được đặt ra đã phản ánh
12 một nhu cầu có thật: nhu cầu hiểu biết về “sự tái sinh
13 cuộc sống” thông qua những cách thức Sống nhằm đáp
14 ứng cho nhu cầu về sự hoàn thiện trong đời sống của
15 con người. Vấn đề này đã từng chiếm một vị trí trung
16 tâm, đan xen vào trong các diễn ngôn mang tính triết
17 học trong các kinh văn của Ấn Độ cổ đại.
18 Việc tìm hiểu tư tưởng của Ramanuja về con đường
19 hòa nhập của Atman với Brahman, thoát ra khỏi luân
20 hồi sinh tử trong tác phẩm *Śrīmad Bhagavad* có thể

gợi mở một hướng đi cần thiết cho sự hòa hợp nội tâm
và hạnh phúc của con người trong xã hội đương đại
- một xã hội mà việc kiếm tìm hạnh phúc không chỉ
có trong đời sống thực tại mà còn trong đời sống tâm
linh.

Tình hình nghiên cứu vấn đề

Trước đây, cùng là trường phái phi nhị nguyên trong
Brahma Sutras (còn gọi là Vedantas Sutras) nhưng về
mặt kinh văn, chỉ có thuyết phi nhị nguyên chính
thống của Sankara được lưu truyền khá phổ biến qua
nhiều thế kỷ, còn thuyết phi nhị nguyên có phẩm tính
theo quan điểm của Ramanuja lại phổ cập rất hạn chế,
gần như chỉ dành riêng cho cộng đồng nhỏ nói tiếng
Tamil hoặc các học giả tiếng Phạn. Đến những năm
60-70 mới xuất hiện vài bản dịch trích dẫn kinh văn
của Ramanuja chủ yếu bằng tiếng Anh. Phần lớn trong
số đó lại không được tái bản vì người dịch quá bám sát
vào ngữ pháp Phạn ngữ nên diễn đạt rất khó hiểu.
Sau này mới có nhiều học giả quan tâm nghiên cứu
quan điểm triết học và thần học của Ramanuja. Có

Trích dẫn bài báo này: Đồng T K, Khoa L D. Sự khai mở của Ramanuja cho trường phái Vishistadvaita Vedanta trong tác phẩm Gita Bhasya. *Sci. Tech. Dev. J. - Soc. Sci. Hum.* 2025; (1):1-12.

41 thể điểm qua số tác phẩm tiêu biểu:

42 - **John Carman** [1974], *The Theology of Ramanuja: An Essay in Interreligious Understanding*/Thần học Ramanuja: Một bài luận về sự hiểu biết liên tôn, Nhà xuất bản Đại Yale. Tác phẩm của Carman chủ yếu tập trung vào thần học của Ramanuja và cách Ramanuja diễn giải *Bhagavad Gītā* dưới góc độ các mối quan tâm trong bối cảnh rộng hơn của triết học và thần học Ấn Độ giáo.

43 - **J. A. B. Van Buitenen** : [1974] *Ramanuja on the Bhagavadgita - A Condensed Rendering of his Gitabhāṣya with Copious Notes and an Introduction*"/Ramanuja về *Bhagavadgita* - Một bản tóm tắt ngắn gọn về tác phẩm *Gīthāṣya* với nhiều ghi chú và phần giới thiệu, nhà xuất bản Motilal Banarsidass chi nhánh Delhi, phiên bản lần thứ hai 1968, in lại 1974. Mở đầu là phần giới thiệu về bối cảnh lịch sử và thông tin cơ bản về Ramanuja, về triết lý của Ramanuja và cách Ramanuja diễn giải *Bhagavad Gita*. Nội dung chính yếu của tác phẩm là phân tích tư tưởng của Ramanuja về *Bhagavad Gita*. Tác phẩm này cho người đọc nhận thức rõ Ramanuja là một nhà thần học, một triết gia và cũng là người phát ngôn nổi tiếng của truyền thống Sri Vaishnavism. Qua những ý kiến tranh luận đã cho thấy *Gita Bhasya* của Ramanuja là một bình luận quan trọng về *Gita*. Điều đáng quý là trong suốt văn bản của tác phẩm, J. A. B. Van Buitenen đã có những chú thích mở rộng cung cấp bối cảnh lịch sử văn hóa hoặc đưa ra những nhận định sâu sắc trong diễn giải tư tưởng của Ramanuja. Tác phẩm này thiên về thảo luận và phân tích hơn là bản dịch đầy đủ khi tác giả tập trung vào các lập luận triết học của Ramanuja và đặt chúng trong bối cảnh diễn ngôn rộng hơn Vedanta.

44 - **Julius J. Lipner** [1986], *Chân dung của sự thật: Một nghiên cứu về Ý nghĩa và Siêu hình học trong Thần học Vedanta của Ramanuja*/ *The Face of Truth: A Study of Meaning and Metaphysics in the Vedantic Theology of Ramanuja*, Nhà xuất bản Đại học New York. Tác phẩm này cung cấp một phân tích toàn diện về thần học của Ramanuja. Lipner tập trung vào các diễn giải siêu hình và thần học trong bình luận của Ramanuja và khám phá cách Ramanuja diễn giải các khái niệm chính của *Bhagavad Gita* trong Vishishtadvaita Vedanta.

45 - **Anantanand Rambachan** [1991] *The Theology of Ramanuja: An Essay in Interreligious Understanding* /Thần học của Ramanuja: Một bài luận về sự hiểu biết liên tôn, Nhà xuất bản Đại học Hawaii. Tác phẩm là một khám phá sâu sắc về tư tưởng thần học của Ramanuja, bao gồm cả cách diễn giải *Gita Bhasya*. Tác phẩm này tập trung vào quan điểm của Ramanuja về sự sùng kính Thần tối cao (Vishnu) cùng với những

phân tích về *Bhagavad Gita* trong thần học Hindu giáo và đối thoại liên tôn.

46 - **S.M. Srinivasa Chari** [1991], *Philosophy and Theistic Mysticism of Ramanuja/Triết học và chủ nghĩa thần bí hữu thần của Ramanuja*, Nhà xuất bản Motilal Banarsidass. Tác phẩm này đưa ra một cuộc thảo luận sâu rộng về Vishishtadvaita Vedanta của Ramanuja, đặc biệt tập trung vào cách Ramanuja diễn giải *Bhagavad Gita* trong *Gita Bhasya*. Chari bình luận về quan điểm của Ramanuja về nghiệp chương, Bhakti (lòng sùng kính) và bản chất của thần linh để làm sáng tỏ các chủ đề thần học và triết học Hindu giáo.

47 - **C. J. Bartley** (2013). *The Theology of Ramanuja: Realism and Religion*/Thần học của Ramanuja: Chủ nghĩa hiện thực và tôn giáo. Routledge. ISBN 978-1-136-85306-7. Tác phẩm giới thiệu về cuộc đời của Ramanuja, bối cảnh lịch sử và văn hóa để Ramanuja phát triển các ý tưởng siêu hình học. Đặc biệt, Bartley bàn luận sâu về hệ quan điểm về hiện thực trong triết học của Ramanuja: quan điểm về sự thật của linh hồn cá nhân và thế giới như những thực thể Sống thực sự tồn tại trong hiện thực siêu việt của Brahman. Bartley cũng quan tâm đến các quan niệm về giáo huấn đạo đức, các thực hành nghi lễ với những ảnh hưởng vượt tầm hiểu biết của con người trong quan hệ với thần linh. Bartley khám phá cách thức Ramanuja phát triển về bản chất của sự tận hiến và vai trò của nó trong cuộc sống tâm linh của cá nhân. Tác phẩm của Bartley đã cung cấp một cách nhìn toàn cảnh về thần học của Ramanuja, nhằm làm sáng tỏ sâu sắc triết lý trong sự hài hòa thần học và thực hành tôn giáo.

Tổng quan những tác phẩm trên đã tạo dựng toàn cảnh của sự cảm nhận tư tưởng của Ramanuja, tạo điều kiện thuận lợi cho nhóm tác giả tiếp cận bản văn *Gita Bhasya* thông qua bản dịch của Sri Rama Ramanuja Achar^a - srinatham.com 2013 với tên gọi *Śrīmad Bhagavad Gītā with Gita Bhasya of Bhagavad Ramanuja* (Những bài ca tôn vinh Thượng đế với bản

^a**Sri Rama Ramanuja Achari** : tên gốc là Ram Sivan, sinh ra ở Nam Phi với mẹ là người Do Thái và cha là người theo đạo Thiên chúa nhưng lại được nuôi dưỡng bởi người bảo mẫu theo đạo Hindu. Nền tảng văn hóa đa dạng đã ảnh hưởng đến cách tiếp cận của ông đối với đời sống tâm linh tôn giáo và đối thoại liên tôn. Tuy đã được rửa tội theo nghi thức của Cơ đốc giáo và Do thái giáo, nhưng hành trình tâm linh đã dẫn ông đến với Hindu giáo. Ram Sivan đã theo đạo Sri Vaishnavism và được thụ phong làm Acharya, lấy tên là Sri Rama Ramanuja Achari. Ram Sivan là một nhân vật quan trọng trong Hindu giáo hiện đại, tiếp nối di sản của người cùng tên bằng cách truyền bá thông điệp về tình yêu, sự chấp nhận và sự phát triển tâm linh trong khuôn khổ của đạo Srivaishnavism. Hơn 40 năm hoạt động trong lĩnh vực giáo dục và tôn giáo, Ram Sivan đã trở nên nổi tiếng với công việc giảng dạy và dịch thuật kinh văn nhất là bản văn *Gita Bhasya* của Ramanuja, quảng bá các giáo lý của Sri Ramanuja và Purvacharyas, cũng như các nghi lễ Veda và Pancharatric. Ông là người sáng lập Trường Vaishnavism của Úc và tham gia sâu sắc vào cộng đồng Sri Vaishnava, kết hợp các truyền thống Vaishnava của miền bắc và miền nam Ấn Độ với cách tiếp cận hiện đại của phương Tây

¹³¹ *văn của Đức thầy Ramanuja*). Với dòng chữ hàng đầu
¹³² trên trang bìa đầy trân trọng: Śrimate Rāmānujāya
¹³³ Namah^b. Gita Bhasya of Bhagavad^c Ramanuja như là
¹³⁴ một bản kinh văn bình luận toàn diện về Brahma Su-
¹³⁵ tras (còn gọi là Vedanta Sutrās) bao gồm những câu
¹³⁶ cách ngôn tóm tắt giáo lý triết học của Upanishads.
¹³⁷ Trong Gita Bhasya này thể hiện rõ tinh thần của Ra-
¹³⁸ manuja trong diễn giải, làm sáng tỏ ý nghĩa của từng
¹³⁹ đoạn (khổ thơ hay câu cách ngôn) được trích dẫn,
¹⁴⁰ xác lập những nội dung chính yếu cho Vishishtadvaita
¹⁴¹ Vedanta trong Hindu giáo. Nhóm tác giả chọn bản
¹⁴² dịch kinh văn này làm tài liệu tham khảo duy nhất
¹⁴³ cho bài viết.

¹⁴⁴ **NỘI DUNG**

¹⁴⁵ **Tổng quan về Hindu giáo**

¹⁴⁶ Hindu giáo là dòng chảy tiếp nối của các giai đoạn của
¹⁴⁷ Vedas giáo và Bà la môn giáo Hindu giáo thờ cả ba vị
¹⁴⁸ thần Brahma, Vishnu và Shiva (tam vị nhất thể: thần
¹⁴⁹ Brahma sáng tạo, thần Shiva phá hoại và thần Visnu
¹⁵⁰ bảo vệ) nhưng thần Visnu ở vị thế tối cao. Về kinh
¹⁵¹ điển, Hindu giáo là sự kế thừa liên tục từ kinh sách của
¹⁵² Vedas giáo và Balamôn giáo nhưng Hindu không chỉ
¹⁵³ có kinh *Vedas* và *Upanishads* của các giai đoạn trước
¹⁵⁴ mà còn có thêm các bộ luận (Sastra). Các phạm trù
¹⁵⁵ chủ đạo của Hindu giáo gồm Dharma (Pháp - nguyên
¹⁵⁶ lý đạo đức và chức phận), Samsara (Luân hồi - sống,
¹⁵⁷ chết và tái sinh), Karma (Nghiệp - hành động tạo tác
¹⁵⁸ và kết quả của hành động tạo tác), Moksha (Giải thoát
¹⁵⁹ khỏi luân hồi), và Yoga (các phương pháp tu tập).
¹⁶⁰ Ba trường phái chính yếu trong Hindu giáo, đó là:
¹⁶¹ trường phái nhị nguyên tuyệt đối (Dvaita Vedanta),
¹⁶² trường phái phi nhị nguyên nghiêm ngặt/ chính thống
¹⁶³ (Advaita Vedanta) và trường phái phi nhị nguyên có
¹⁶⁴ phẩm tính (Vishistadvaita Vedanta). Mục đích của
¹⁶⁵ việc diễn giải Brahma Sutrās của ba trường phái là
¹⁶⁶ nhằm loại bỏ sự đồng nhất sai lầm linh hồn với thân
¹⁶⁷ xác, chính là nguyên nhân gốc rễ của những đau khổ
¹⁶⁸ và bất hạnh của con người, là sản phẩm của Avidya
¹⁶⁹ (vô minh) và giúp con người đạt được sự giải thoát
¹⁷⁰ cuối cùng thông qua tri thức về Brahman. Tuy nhiên
¹⁷¹ ba trường phái này có sự khác biệt.
¹⁷² - Trường phái nhị nguyên tuyệt đối (Dvaita Vedanta)
¹⁷³ do Madhvacharya sáng lập vào thế kỷ XIII, nhấn
¹⁷⁴ mạnh linh hồn và Thượng Đế (Brahman) là hai thực
¹⁷⁵ thể khác biệt. Brahman là thực tại tối thượng và là

đấng sáng tạo toàn năng, còn linh hồn thì phụ thuộc
Brhman nhưng ở vị thế thấp hơn. Linh hồn đạt được
sự giải thoát (Moksha) thông qua sự sùng kính và
nhận ân sủng từ Vishnu, tận hưởng niềm hạnh phúc
vĩnh cửu của Brhman trong khi vẫn giữ được sự biệt
lập, không phải hợp nhất với Brhman.
- Trường phái phi nhị nguyên chính thống/nghiêm
ngặt (Advaita Vedanta) khởi nguồn từ thế kỷ I trước
Công nguyên và trở thành trường phái chính thống
vào thế kỷ VIII do công lao của Adi Shankara. Trường
phái này thừa nhận sự siêu việt và vĩnh hằng của Brah-
man, khẳng định Brahman (thực tại tối thượng) là
duy nhất. Linh hồn cá nhân (Atman) và Brahman về
bản chất là một. Sự khác biệt giữa linh hồn cá nhân
và Brahman chỉ là do vô minh (avidya) hoặc ảo tưởng
(maya). Giải thoát (Moksha) chỉ đạt được khi linh
hồn vượt qua ảo tưởng về sự khác biệt và nhận ra bản
chất thật của mình chính là Brahman để hoà nhập với
Brahman.
- Trường phái phi nhị nguyên có phẩm tính (Vishis-
tadvaita Vedanta), khởi nguồn từ phong trào Vaish-
nava ở Nam Ấn vào thế kỷ VII và đến thế kỷ XI đã thực
sự trở thành trường phái có uy thế lớn trong Hindu
giáo nhờ vào sự khai mở tư tưởng từ các tác phẩm
của Ramanuja. Trường phái này xác định Brahman
có các phẩm chất khác biệt với Atman (bản ngã của
linh hồn) nhưng vẫn có sự thống nhất với Brahman.
Với quan điểm Brahman là Đấng tối cao có phẩm tính
(Saguna Brahman) nên Vishishtadvaita còn được xem
là thuyết nhất nguyên khác biệt (difference monism).
Bằng sự diễn giải thực thể Sống của Đấng tối cao là sự
thống nhất của các bản chất tâm linh và phi tâm linh
của vũ trụ mà Vishishtadvaita còn được gọi là thuyết
nhất nguyên quy kết (attribution monism), xác định
Brahman là thực tại duy nhất với niềm tin sâu sắc rằng
tất cả sự đa dạng cuối cùng đều bắt nguồn từ sự thống
nhất linh diệu trong mối quan hệ giữa linh hồn cá
nhân (Jiva), thế giới (jagat) và thực tại tối thượng là
Brahman.
Thuật ngữ "phi nhị nguyên" với ý tưởng tất cả thực tại
cuối cùng là một (nhất nguyên), không có sự phân biệt
cơ bản nào giữa linh hồn cá nhân (Atman) và Tinh
thần vũ trụ (Brahman). Nhưng với vấn đề Brahman,
nếu Shankara đã nhìn nhận Brahman từ góc nhìn về
sự siêu việt của Brahman thì Ramanuja lại nhìn nhận
Brahman từ góc nhìn về những yếu tính nội tại.

²²² **Ramanuja và tác phẩm**

²²³ **Ramanuja**

²²⁴ Người khai mở tâm linh cho trường phái Vishistad-
²²⁵ vaita Vedanta - là một triết gia và nhà thần học Ấn Độ
²²⁶ sống vào thế kỷ XI và XII sau Công nguyên, được biết

^bŚrimate Rāmānujāya Namah Một lời chào tiếng Phạn thường
được dùng để tỏ lòng tôn kính nên có thể được dịch là "Kính phục đến
Ramanuja vĩnh cửu" hoặc "Kính phục đến Đức Ramanuja." Cả hai
cách dịch đều truyền tải sự tôn kính và kính trọng đối với Ramanuja.
^cŚrīmad Bhagavad Gītā là một văn bản linh thiêng của đạo
Hindu, thường được gọi đơn giản là "Gita." Nó bao gồm 700 câu và
là một phần của sử thi Ấn Độ, Mahabharata.

đến nhiều nhất với tư cách là người sáng lập trường phái Vishishtadvaita, một truyền thống quan trọng của triết học Hindu giáo. Ramanuja cũng là người đầu tiên hệ thống hóa thuyết hữu thần và Bhakti trong truyền thống Upanishadic.^d Sinh ra trong một gia đình Bà la môn ở Nam Ấn Độ, cuộc đời của Ramanuja được bao quanh bởi những truyền thuyết và câu chuyện nhấn mạnh đến lòng mộ đạo, sự tận tụy và năng lực trí tuệ. Ông đã học với Yadava Prakasha, một giáo sĩ của Advaita Vedanta, nhưng sau đó đã tách khỏi truyền thống Advaita để phát triển hệ thống triết học của riêng mình. Suốt cuộc đời, Ramanuja đã đi khắp nơi, giảng dạy và tranh luận về các ý tưởng triết học của mình. Ông đã thành lập một số tu viện và đền thờ, đóng góp đáng kể vào việc truyền bá triết học Vishishtadvaita và truyền thống Vaishnavism^e. Những cuộc diễn thuyết tư tưởng trong các tác phẩm của Ramanuja đã ảnh hưởng sâu sắc đến triết học, thần học và thực hành Hindu giáo, đặc biệt là trong truyền thống Sri Vaishnavism, nơi ông được tôn kính như một vị thánh với tư cách người lãnh đạo đời sống tâm linh.

Tác phẩm

Kế thừa tư tưởng của Yamunacharya^f, ngoài tác phẩm *Gita Bhasya*, Ramanuja đã để lại cho đời sau một số tác phẩm như:
- *Vedarthasaṅgraha*: tác phẩm đầu tiên của Ramanuja trình bày về triết học hữu thần Veda và quan niệm về Thần tối cao (Vishnu) - khẳng định một vị thần hoàn hảo về mặt đạo đức, toàn tri, toàn năng và tồn tại trong sự phóng chiếu những phẩm tính đến con người và sự vật.
- *Śrī Bhasya*: Ramanuja bình luận về Brahma Sutra thông qua đó trình bày ý tưởng triết học hữu thần của mình.

^dUpanishadic. Thuật ngữ chỉ việc đề cập đến các ý tưởng, chủ đề và giáo lý triết học được tìm thấy trong Upanishads.

^eVaishnavism còn được gọi là Vishnuism, tôn thờ Vishnu và các hiện thân của Ngài là Rama và Krishna. Vaishnavism cùng với Shaivism (tôn thờ Shiva), Shaktism (tôn thờ Devi/Shakti) và Smartism (cùng tôn thờ ngang nhau các vị thần Vishnu, Shiva, Shakti, Ganesha và Surya vì xem các vị thần này là những biểu hiện khác nhau của cùng một thực tại tối thượng/Brahman.) là những giáo phái chính của Ấn Độ giáo. Vaishnavism tôn thờ Vishnu là Linh hồn tối thượng (Paramatman – Rigveda: 1.022.20a) là Đấng Sáng Tạo Tối Cao (Parameshwara) được nói đến trong Yajur Veda, Taittirya Aranyaka (10-13-1). Vishnu được coi là chúa tể của sáng tạo, người cai quản quá khứ, hiện tại và tương lai; là một trong những người hỗ trợ, duy trì và điều chỉnh vũ trụ. Trong kinh Veda, Vishnu còn là vị thần kết hợp ánh sáng. Cũng giống như thần Indra, Vishnu được xem như vị Thần tách trời và đất (Rig Veda 7.99). Những người theo giáo phái Vaishnavism được gọi là Vaishnavas hoặc Vaishnavites.

^fYamuna, người đứng đầu tinh thần của cộng đồng Tamil Vaiṣṇava (thờ Vishnu). Cộng đồng này, được gọi là Śrī Vaiṣṇava Sampradaya, được thành lập xung quanh ký ức về Bốn nghìn câu thơ Tamil (*Nālāyira Divya Prabhandam*) của mười hai vị thánh Tamil Vaiṣṇava (*Āḻvārs*), nổi tiếng với những bài thơ sùng kính về Vishnu.

- *Gadya Traya* là bộ sưu tập này bao gồm ba bài thánh ca văn xuôi gồm Saranagati Gadya, Srirāṅga Gadya và Vaikunṭha Gady. Những văn bản này nhấn mạnh vào lòng sùng kính và mô tả bản chất của sự tuân phục Thần tối cao (Vishnu).

- *Vedantapīḍa* và *Vedantasara*: hai tác phẩm này là những giải thích và bình luận các nguyên tắc của Vedanta.

- *Nityagrantha*: tác phẩm hướng dẫn thực hành các nghi lễ cho các tín đồ.

Nhìn chung, các tác phẩm của Ramanuja đã đóng góp cho sự hiểu biết về lòng sùng kính (Bhakti) và mối quan hệ giữa linh hồn cá nhân (Atman) và thực tại tối thượng (Brahman), nhấn mạnh vào một vị Thần tối cao (Vishnu) có nhân vị trái ngược với những cách giải thích trừu tượng hơn được tìm thấy trong các trường phái Vedanta khác.

Tác phẩm quan trọng của Ramanuja là *Gita Bhasya*. Thực chất tác phẩm này như là một bản kinh văn vì Ramanuja không "dịch" và cũng không "sáng tạo" Gita mà chỉ trích dẫn các kinh văn từ *Upanishads*, đến *Vedas* và *Puranas*. Ngay cả việc diễn giải để làm sáng rõ những nội dung khó hiểu của Gita cũng bằng Phạn văn. Tác phẩm này đã minh chứng cho sự trung thành tư tưởng các kinh văn *Veda* và *Upanishad* của Ramanuja. Qua tác phẩm *Gita Bhasya* người ta đã có thể hiểu được nội dung triết học và thần học cơ bản của trường phái Vishishtadvaita Vedanta. Tác phẩm nhấn mạnh quan hệ giữa linh hồn cá nhân (Atman), thực tại tối thượng (Brahman) và thế giới sự Sống. Tác phẩm cũng đóng vai trò quan trọng trong việc phổ biến các nguyên tắc trong thực hành Bhakti (lòng sùng kính) như một phương tiện để giải thoát tâm linh, thông qua việc thờ phụng thần Vishnu với lòng sùng kính yêu thương, tận hiến (Bhakti) với sự phục vụ quên mình (karma yoga).

Nội dung cơ bản của Gita Bhasya

Gita Bhasya của Ramanuja là một bản văn giải thích về Bhagavad Gita, một trong những kinh văn quan trọng nhất trong triết học Ấn Độ giáo. Trong tác phẩm, Ramanuja trích dẫn các câu thơ trong Bhagavad Gita, định hình tư tưởng cho trường phái triết học Vishishtadvaita Vedanta mà ông là người kiến tạo.

Từ chương 1 của Bhagavad Gita^g, có tựa đề "Nỗi đau buồn của Arjuna", Ramanuja diễn giải Brahman là Đấng tối cao nhập thể qua hình tượng Śrīman

^gBhagavad Gita là một trong những văn bản phổ biến thời Ấn Độ cổ đại, tường thuật cuộc đối thoại giữa Krishna và Arjuna vào đầu cuộc chiến tranh Mahabharata nhằm trả lời cho câu hỏi: Mục đích cuộc sống là gì? Hành động bất kỳ phải được thực hiện như thế nào là đúng đắn? Jnana (kiến thức) là gì?

308 Narayana (Vishnu)^h - một trong những vị thần chính
309 trong Ấn Độ giáo.
310 Thông qua nhân vật Arjuna, một hoàng tử chiến binh
311 được kính trọng, đang chuẩn bị tham gia vào một
312 cuộc đại chiến ở Kurukshetra, với tâm trạng lưỡng lự,
313 phân vân đầy tuyệt vọng. Thế tiến thoái lưỡng nan về
314 mặt đạo đức của Arjuna làm lay động lòng trắc ẩn của
315 Krishnaⁱ. Ramanuja đi sâu vào biểu tượng của Ku-
316 rukshetra, chiến trường thiêng liêng nơi diễn ra cuộc
317 chiến Mahabharata để giải thích rằng: Kurukshetra
318 tượng trưng cho cuộc đấu tranh vĩnh cửu giữa thiện
319 và ác. Nỗi đau khổ trong xung đột nội tâm của Arjuna
320 tượng trưng cho cuộc đấu tranh giữa nghĩa vụ và ham
321 muốn cá nhân, giữa chính nghĩa (dharma) và sự bất
322 chính (adharma).¹ [C1,tr.5-13]
323 Những diễn giải của Ramanuja về Chương 1 của Bha-
324 gavad Gita mở đầu cho những câu trích dẫn cụ thể
325 hơn về mối quan hệ giữa Brahman và Atman - vấn
326 đề xuyên suốt kinh văn của Ấn Độ cổ đại - được Ra-
327 manuja khám phá và làm sáng tỏ sâu sắc trên nhiều
328 phương diện: lòng sùng kính (Bhakti) đối với vị thần
329 tối cao, tầm quan trọng của hành động vị tha (Karma
330 yoga) với tri thức thông tuệ (Jnana yoga) như một
331 phương tiện để đạt được sự giác ngộ về mặt tâm linh.

332 Về Brahman

333 Brahman trong truyền thống Vedanta, là thực tại tối
334 thượng hoặc tuyệt đối, vượt ra ngoài thế giới hiện hữu
335 và là nguồn gốc của mọi sự tồn tại. *Gita Bhasya* của
336 Ramanuja là một bản văn cung cấp những hiểu biết
337 sâu sắc qua sự trích dẫn và bình giảng các câu thơ
338 mang đậm tính suy tư triết học của Bhagavad Gita để
339 khám phá những phẩm tính của Brahman.
340 - **Brahman là Đấng tối cao (purushottama) của sự**
341 **sáng tạo và bất diệt**
342 Sự diễn giải của Ramanuja về Brahman như một Đấng
343 tối cao bắt nguồn từ cách diễn giải của ông về triết
344 học Vedanta, đặc biệt là những lời dạy được tìm thấy
345 trong các văn bản như *Bhagavad Gita* và *Upanishads*.
346 Brahman không chỉ là một nguyên lý vũ trụ phi nhân
347 cách mà còn là một vị thần cá nhân với những phẩm
348 chất như lòng trắc ẩn, ân sủng và tình yêu. Ông nhấn
349 mạnh khái niệm "Brahman có thuộc tính" (Saguna
350 Brahman) trái ngược với "Brahman không có thuộc
351 tính" (Nirguna Brahman) như của các trường phái
352 Vedanta khác đã đề cao. Ramanuja cũng gọi Brahman
353 là Ishvara, Chúa tể hoặc Thượng đế tối cao. Ishvara
354 không chỉ là đấng sáng tạo và duy trì vũ trụ mà còn là
355 đối tượng sùng kính của những người tìm kiếm tâm

linh. Ramanuja giải thích rằng Brahman là Đấng tối
cao bất diệt và sáng tạo vì Brahman bao gồm mọi thứ
nhưng vẫn tách biệt với mọi thứ. Brahman là nguồn
gốc, là người duy trì và là thực tại tối thượng đằng sau
toàn bộ vũ trụ, bao gồm cả khía cạnh hữu hoại hữu
thể và vô hoại (bất diệt) của sự sáng tạo.
Brahman là nền tảng của mọi sự tồn tại, tồn tại không
thể bị hủy diệt mà luôn được tái sinh. "Không có gì
cao hơn Ta, hỡi Arjuna. Tất cả những thứ này đều
được kết nối vào Ta, như sợi chỉ xuyên qua những viên
ngọc."¹ [C7.7]
"Biết rằng hoạt động bắt nguồn từ Brahman và Brah-
man phát sinh bản ngã bất diệt. 'Brahman' bao trùm
khắp nơi và luôn được chứng thực trong [lẽ] hiển
sinh"¹ [C3.15].
Brahman là vĩnh cửu. Ramanuja đã lý giải sự vĩnh cửu
của Brahman thông qua bản chất vĩnh cửu của Atman
(linh hồn/bản ngã). Atman khác biệt với cơ thể vật
chất. Trong khi cơ thể trải qua sự sinh ra rồi mất đi
thì Atman (linh hồn /bản ngã) lại là vĩnh cửu. Sự tồn
tại vĩnh cửu của Atman (linh hồn /bản ngã) phản ánh
bản chất của Brahman là thực tại tối thượng. Không
gì cao hơn Brahman.
Brahman cũng là Tinh thần tối cao ở trong bản ngã
cá nhân và các thực thể hữu sinh, chỉ được biết đến
bằng ý thức tuân phục và tận hiến đối với Brahman.
Trong *Vişṇu Purāṇa* Chương 2 đoạn 12 (V.P. 2.12) đã
giải thích rõ "Hỡi Brahmin^j, ngoài ý thức ra, không
có gì khác tồn tại ở bất kỳ đâu và bất kỳ lúc nào. Như
vậy, ta đã dạy cho người thế nào là sự tồn tại thực sự -
chỉ ý thức là có thật, mọi thứ khác đều không có thật"
"Với bản chất không thay đổi, mặc dầu Ta chưa sinh
ra, Ta đã là Chúa tể của vạn vật, nhưng bằng cách
sử dụng bản chất của Ta (là khởi nguồn của tất
cả/Prakṛti), Ta được sinh ra bởi ý chí tự do của riêng
Ta."¹ [C4.6].
"Ta, [Krishna], như các người biết, là Chúa tể vĩnh
cửu của tất cả, không bao giờ không tồn tại, mà luôn
tồn tại. Không bao giờ mà những Bản ngã (Jiva) này
giống như các người [và những người khác], những
người chịu sự thống trị của Ta, lại không tồn tại. Các
người luôn tồn tại, và 'tất cả chúng ta' - Ta và các người,
sẽ không bao giờ ngừng tồn tại 'trong tương lai'; chúng
ta sẽ luôn tồn tại. Cũng như chắc chắn không có nghi
ngờ gì rằng Ta, Bản ngã tối cao và Chúa tể của tất cả là
vĩnh cửu, tương tự như vậy, các người [và tất cả những
người khác] là những Jiva nhập thể, cũng không bao
giờ phải nghi ngờ sự vĩnh cửu của mình."¹ [C2.p16].
Nói khác đi, Brahman là cội nguồn mọi sự sáng tạo.
Brahman và Jiva (linh hồn bản ngã) là bất diệt.

^hTrong truyền thống Vaishnavism, thần Vishnu được tôn kính là Đấng Tối Cao, là người bảo toàn vũ trụ bằng quyền năng siêu việt.

ⁱKrishna là hiện thân của Thần Vishnu, nhân vật chính trong Mahabharata và Bhagavad Gita.

^jBrahmin: thành viên của đẳng cấp tư tế trong xã hội Ấn Độ giáo – những hành giả thông thái.

406 - **Brahman luôn nhập thể nhưng Brahman vừa đồng**
407 **nhất vừa khác biệt với các linh hồn cá nhân (Jiva) và**
408 **thế giới vật chất, là nền tảng của mọi tồn tại trong vũ**
409 **trụ.**

410 Ngài luôn nhập thể trong mọi hình thức từ cao quý
411 đến thân thiện gần gũi, vì “Ngài là hiện thân cho tất
412 cả chúng sinh. Ngài tham gia vào những trò tiêu khiển
413 thiêng liêng đã làm say đắm tâm trí và trái tim của tất
414 cả mọi người, từ cao đến thấp...”¹[C1.p 6].

415 “Người^k thấy Ta ở khắp mọi nơi và mọi thứ trong Ta;
416 Ta không tách rời khỏi người đó và người đó không
417 bao giờ tách rời khỏi Ta”.¹[C6.30].

418 - **Brahman là Người điều hành bên trong** (An-
419 taryami) **mọi sự tồn tại** vì Brahman với tư cách là
420 nguồn lực duy trì và chi phối các hoạt động của vạn
421 vật, cho dù đó chỉ là giao tiếp với cảm giác thoáng qua,
422 đều được Brahman điều hành, dẫn dắt.

423 “Sự tiếp xúc của các giác quan với các đối tượng của
424 chúng, hơi Arjuna, tạo ra cảm giác lạnh và nóng,
425 khoái lạc và đau đớn. Chúng đến rồi đi, chúng
426 không thường hằng, hãy chịu đựng chúng, hơi Ar-
427 juna.”¹[C2.14].

428 Ramnuja cũng làm sáng tỏ ý nghĩa quan trọng hàng
429 đầu của việc nhận ra bản sắc của mối quan hệ Atman
430 và Brahman. Brahman bất tử thì Atman với tư cách là
431 bản ngã của linh hồn cá nhân (Jiva) cũng bất tử.

432 1. “Những thể xác này (bản ngã hiện thân) của Jiva
433 sẽ có được sự kết thúc, trong khi bản chất Jiva là
434 vĩnh cửu, không thể hủy diệt và không thể hiểu
435 hết được. Do đó, hãy chiến đấu, hơi Bharata
436 (Arjuna).”¹[C2.18].

437 - **Brahman là đấng toàn Chân – toàn Thiện – toàn**
438 **Trí, là đấng bảo vệ và ban phát ân sủng**

439 “Bản tính của Brahman bao gồm toàn bộ Hữu thể
440 (sat), Ý thức (cit) và Cực lạc (ananda). Những đặc
441 điểm này phân biệt Ngài với tất cả các chúng sinh
442 khác. Ngài thực sự là đấng toàn trí, toàn năng và sáng
443 tạo”.¹[C1.p5].

444 Sự xuất hiện của Sriman Narayana như là biểu trưng
445 sự toàn hảo của Brahman đối lập của mọi điều xấu
446 xa. Sriman Narayana là Đấng tối cao đã phóng chiếu
447 toàn bộ vũ trụ, bắt đầu từ Brahma (Đấng sáng tạo) ban
448 cho các linh hồn cá nhân các mục tiêu mong muốn,
449 bao gồm Dharma (sự chính trực, bốn phận), Artha
450 (sự thịnh vượng về vật chất), Kama (sự thỏa mãn của
451 giác quan) và Moksha (Sự giải thoát).

452 “Ngài đã truyền bá niềm vui và hạnh phúc cho toàn
453 thế giới bằng mật ngọt của ánh mắt và của lời nói, thể
454 hiện lòng từ bi, sự thân thiện và tình yêu thương vô
455 bờ bến của Ngài đối với tất cả mọi người”.¹[C1.tr.6]

^kNgười trong câu này chính là Brahmin

“Để bảo vệ người tốt và tiêu diệt kẻ xấu, để thiết
lập chánh pháp, Ta đã nhập thể từ đời này sang đời
khác”.¹[C4.8].

“Ai biết Ta là Người ân sủng cho sự hy sinh và khổ
hạnh, là Đấng tối cao của tất cả các thế giới, là
Bạn của mọi chúng sinh, người đó đạt được sự bình
an”.¹[C5.29].

Brahman không chỉ là Đấng toàn Thiện, toàn Mỹ mà
còn là Đấng toàn trí, người sở hữu chân lý và ban
truyền chân lý (trí tuệ chân chính)

”Nhiều kiếp của Ta đã trôi qua, hơi Arjuna với con
cũng vậy. Ta biết tất cả, nhưng con thì không
biết”.¹[C4.5].

Như vậy, Brahman được mô tả trong tổng thể tượng
trưng cho sự tồn tại thuần túy, vĩnh cửu và bất biến
(Sat) vượt lên trên thế giới vật chất. Brahman là bản
chất của tất cả những dạng tồn tại, hữu hình lẫn vô
hình. Brahman đồng nghĩa với chân lý và thực tại tối
thượng. Brahman là ý thức thuần túy (cit) thể hiện trí
thông minh vốn có trong vũ trụ và cũng là trạng thái
nhận thức không giới hạn. Brahman đại diện cho sự
hiểu biết toàn diện về sự tồn tại, nơi ý thức cá nhân
hòa nhập với ý thức vũ trụ. Sự thống nhất của nhận
thức này là điều cần thiết để nhận ra sự kết nối của tất
cả các thực thể Sống và thực tại cơ bản của Brahman.
Brahman cũng là biểu thị niềm hạnh phúc thuần khiết
hoặc niềm vui tâm linh vĩnh cửu (ānanda) có được từ
việc hòa nhập của sự thống nhất của Atman (Jiva) với
Brahman.

- **Brahman là ân sủng giải thoát** (Moksha-sadhana-
saraṇi). Diễn giải của Ramanuja về Brahman trong
Gita Bhasya nhấn mạnh ý tưởng về một đấng thiêng
liêng yêu thương và nhân từ có liên quan mật thiết
đến cuộc sống của tất cả chúng sinh, hướng dẫn họ
đến sự giác ngộ về mặt tâm linh và sự giải thoát cuối
cùng.

Vì Brahman là Ishvara là Thượng đế tối cao. Ishvara
không chỉ là đấng sáng tạo và duy trì vũ trụ mà còn
là đối tượng được sùng kính và tuân phục của những
người tìm kiếm sự giải thoát. Và vì thế Jiva (linh hồn
bản ngã) người “hướng đạo” luôn có sự nhập vào thân
xác sinh thành và rời đi khi thân xác bị hủy diệt để
nhập vào thân xác khác.

“Bất kỳ thân thể nào mà người hướng đạo (Jīvāt-
man) có được và bất kỳ thân thể nào mà người hướng
đạo rời khỏi, người hướng đạo lại tiếp tục mang
theo những cảm giác này như ngọn gió mang hương
thơm từ chính nơi của chúng (trong những bông
hoa).”¹[C15.8].

“Từ bỏ hoàn toàn mọi Pháp (Dharmas), hãy quy phục
một mình Ta. Ta sẽ giải thoát con khỏi mọi tội lỗi,
đừng đau buồn”.¹[C18.66].

Câu cách ngôn này có ba sự tồn nghi.

Thứ nhất: “Từ bỏ hoàn toàn mọi Pháp/Dharma”. Dharma là một thuật ngữ hàm nghĩa rất rộng. Nếu hiểu Dhamma-Vinaya với nghĩa là lý tưởng và phương cách để sống đúng với lý tưởng đó. Thì câu thơ này trong kinh văn có thể được Ramanuja dẫn ra để nói với những người đang thực hành giáo lý của Shri Adi Shankara - trường phái phi nhị nguyên chính thống/nghiêm ngặt.

Thứ hai: có thể là Ramanuja dẫn ra để diễn giải yêu cầu phải từ bỏ hoàn toàn sự âu lo về những tác nhân, về sự sở hữu, về các kết quả của hành động trong việc thực hành Karma, Jnana và Bhakti Yogas. Đây là phương cách để đạt được điều tốt đẹp nhất khi thực hiện sự phục vụ thiêng liêng. “Ta sẽ giải thoát con khỏi mọi tội lỗi” nghĩa là Ta (Krishna) sẽ giải thoát con khỏi mọi chướng ngại vật ngăn cản con đến với Ta; bao gồm [phản ứng nghiệp chướng] của vô số hành động đã làm những điều bị cấm và bỏ mặc những điều được ra lệnh. Sự phản ứng của những hành động tích lũy tự bao đời đã gây ra chướng ngại trong sự phát triển tâm linh.

Thứ ba: Bhakti Yoga chỉ khả thi đối với những cá nhân yêu Thần Visnu mãnh liệt và thoát khỏi mọi nghiệp tiêu cực. Phản ứng nghiệp chướng (tội lỗi) của một người là chướng ngại vật trên con đường phát triển lòng sùng kính yêu thương nhiều đến nỗi các nghi lễ chuộc tội có thể giải tội cho họ không thể được thực hiện trong thời gian giới hạn của một kiếp sống. Do đó, Arjuna nghĩ rằng mình không có khả năng thực hành Bhakti Yoga. Để khắc phục sự chán nản của Arjuna, Thần Krishna đã nói: “Hoàn toàn từ bỏ mọi Dharma, hãy quy phục một mình Ta”. Thuật ngữ “Dharma” được sử dụng trong bối cảnh này sẽ áp dụng cho các nghi lễ chuộc tội. Vì vậy, để bắt đầu Bhakti Yoga thành công, hãy quy phục một mình Ta. Ta là người vô cùng nhân từ, là nơi nương tựa của tất cả không phân biệt, là đại dương của sự chăm sóc của người mẹ dành cho những ai phụ thuộc vào Ta. Ta sẽ giải thoát con khỏi mọi tội lỗi, vốn được giải thích là những trở ngại đối với việc thực hành Bhakti Yoga - đừng đau buồn”.¹[C3.47].

Tổng quan những diễn giải của Ramanuja về Brahman trong Gita Bhasya là sự nhấn mạnh ý hướng về một đấng thiêng liêng yêu thương và từ ái có liên quan mật thiết đến cuộc sống của tất cả chúng sinh, hướng dẫn họ đến sự giác ngộ về mặt tâm linh và sự giải thoát cuối cùng.

Về Atman

Atman là mục tiêu thiền định của những người theo con đường “Akṣara” (Bất diệt) được mô tả như sau: “Nó ‘không thể định nghĩa’ - nó không thể được định nghĩa theo tên gọi của các chúng sinh hiện hữu như

các vị thần và con người... Vì nó khác với các phạm trù này. Nó ‘không biểu hiện’ - vì nó không thể được nắm bắt bằng các giác quan. Nó ‘có mặt ở khắp mọi nơi và không thể hình dung được’ - vì mặc dù nó tồn tại ở khắp mọi nơi trong tất cả các cơ thể như của các vị thần và những người khác, nhưng nó không thể được quan niệm theo các cơ thể đó vì nó thuộc thực thể Sống hoàn toàn khác; Nó ‘có mặt ở khắp mọi nơi’ - tồn tại giống nhau trong tất cả các chúng sinh nhưng khác với các hình thức vật thể tương ứng của chúng. Nó ‘ổn định’ - nó không thay đổi bản chất độc nhất của nó - do đó nó là vĩnh cửu vì không chịu sự điều chỉnh”.¹[C12, p.144].

Trong *Gita Bhashya*, thông qua Jiva, Ramanuja đã đưa ra một cách diễn giải phong phú về Atman

- Atman là linh hồn bản ngã nên Atman tồn tại vĩnh hằng và không thay đổi. Tính chất “bất diệt” của Brahman có trong linh hồn/bản ngã cá nhân (Jiva) của từng thực thể Sống. Các thực thể Sống được Jiva nuôi dưỡng và được thiết kế hành động và trở thành công cụ hoạt động của Atman. Câu nói, “Nó không bao giờ sinh ra, nó không bao giờ chết” có nghĩa là Jiva luôn tồn tại, trong thực thể Sống nhưng không đồng nhất với thể xác. Thể xác này bị hủy diệt thì Jiva lại rời đi và nhập vào thể xác khác. Jiva là nguyên thủy của Brahman nhưng Jiva luôn mới vì luôn có khả năng trải nghiệm qua từng thể xác.

”Hãy biết rằng hoạt động xuất phát từ Brahman và brahman/atman xuất hiện từ Bản ngã bất diệt. Do đó, ‘Brahman’ bao trùm khắp nơi và luôn được chứng thực trong cuộc tế lễ”¹[C3.15].

Jiva [linh hồn bản ngã] như sự hiện hữu gián tiếp/trung gian của Brahman, chỉ ẩn trú tạm thời trong các thân thể. Mọi sự chuyển đổi của [thân thể] vô tri như sinh, trưởng thành, thay đổi và chết, đều không ảnh hưởng đến Jiva.

Ramanuja nhấn mạnh sự khác biệt giữa cơ thể vật chất và linh hồn bất tử. Trong khi cơ thể dễ thay đổi và có thể bị hủy diệt (chết) thì linh hồn vẫn không bị ảnh hưởng bởi những biến đổi thể lý. Nó vẫn giữ nguyên bản chất của mình bất kể nó cư ngụ ở cơ thể nào.

“Jiva không tái sinh; nó cũng không bao giờ chết; đã tồn tại trong quá khứ, nó sẽ không bao giờ ngừng tồn tại [trong tương lai]. Nguyên thủy Jiva không tái sinh và tồn tại vĩnh cửu, nó không bị giết khi thể xác bị giết”.¹[C2.20].

Ramanuja cho rằng bản chất thực sự của Atman vượt qua thế giới vật chất. Mục tiêu cuối cùng của Atman là nhận ra bản chất thiêng liêng của mình và đạt được sự giải thoát khỏi vòng luân hồi sinh tử. Nghĩa là những ai hiểu được bản chất thực sự của mình là Atman được phóng chiếu bởi Jiva sẽ thấy mình không tách biệt với Brahman. Sự hiểu này thúc đẩy quan hệ mật thiết với

thần linh với ngụ ý rằng Brahman vẫn có thể tiếp cận và hiện diện với những ai nhận ra chân lý. Cá nhân đạt đến cấp độ này sẽ nhận ra sự tương đồng vốn có với Brahman. Nghĩa là tất cả các Jiva đều có bản chất tương tự với Brahman và sẽ là sự kết nối phổ quát với thần Vishnu.

- **Atman tác động đến Nghiệp.** Ramanuja cũng đưa khái niệm Nghiệp (từ hành động và kết quả hành động) vào triết lý về Atman. Nghiệp là tất định cho mọi thực thể Sống vì Jiva phải thuận theo nhu cầu của Gunas mà trước hết là nhu cầu thực thể Sống mà Sống là phải hành động. Hành động thì tạo ra nghiệp.

“Thật vậy, không ai có thể ở lại dù chỉ một khoảnh khắc mà không hành động; vì mọi người đều bị buộc phải hành động, thực sự bất lực, bởi các chế độ vật chất [Gunas]”.¹[C3.5].

”Bạn phải thực hiện các nhiệm vụ bắt buộc của mình; vì hành động cao hơn không hành động (như khi thiền định). Ngay cả việc duy trì cơ thể cũng không thể thực hiện được bằng cách không hành động”.¹[C3.8].

Như vậy, mỗi người đều có Nghiệp riêng của mình vì có những hành động thực thể Sống do linh hồn cá nhân (Jiva) dẫn dắt, tạo ra nghiệp ảnh hưởng đến những trải nghiệm và sự chuyển kiếp trong tương lai. Tất cả đều phải vướng vào Nghiệp dẫu rằng không biết nó một cách rõ ràng.

“Hỡi Arjuna! Tất cả chúng sinh [trong vũ trụ] đều có một khởi đầu không rõ, một giữa không rõ và một kết thúc không rõ. Tại sao lại phải đau khổ về bất kỳ ai trong số họ?”.¹[C2.28].

Đoạn văn này gợi ý rằng sự giải thoát khỏi nghiệp chương cho phép các cá nhân nhận thức được bản chất nghiệp thực sự của họ và của người khác. Sự giải thoát này rất quan trọng để đạt được sự bình đẳng và hiểu biết về mặt tinh thần.

- **Nghiệp tác động đến Atman.** Những hành động mà một cá nhân thực hiện, bao gồm suy nghĩ, lời nói và hành động được Ramanuja diễn giải rằng nghiệp bao gồm cả bản thân hành động và hậu quả hoặc tác động phát sinh từ những hành động đó. Hành động có thể được phân loại là tốt (punya) hoặc xấu (papa), dựa trên ý nghĩa đạo đức và luân lý của chúng.

”Nhưng người biết sự thật về các bộ phận của Gunas và chức năng của chúng, hỡi người có cánh tay mạnh mẽ, thông qua nhận thức của mình rằng Gunas hoạt động trên các sản phẩm của chúng, thì không bị ràng buộc”.¹[C3.28].

Ramanuja giải thích rằng: mặc dù bản chất của Jiva là bất diệt và thiêng liêng, nhưng lại gắn liền với nghiệp do sự đồng nhất với Atman trong thời hạn tồn tại cùng với cơ thể và tâm trí của thực thể sống.

“Mọi hành động đều được thực hiện theo mọi cách bởi Gunas của Prakrti. Người có tâm trí bị đánh lừa bởi khái niệm về cá nhân sẽ nghĩ rằng, ”Tôi mới là người thực hiện.”¹[C3.27].

Do đó, Atman luôn được trải nghiệm cùng những tác động của các hành động trong quá khứ, biểu hiện dưới dạng hạnh phúc hay đau khổ, khoái lạc hay đau đớn, trong nhiều tình huống khác nhau của cuộc sống.

- **Luật Nghiệp (nhân – quả/ hetu-phala).** Ramanuja diễn giải luật nghiệp hoạt động dựa trên nguyên tắc nhân quả. Mỗi hành động (nghiệp) tạo ra một phản ứng tương ứng (phala) ảnh hưởng đến hoàn cảnh hiện tại và tương lai của cá nhân. Những hành động và phản ứng này mang tính tuần hoàn cho đến khi cá nhân đạt được sự giải thoát (Moksha) và vượt qua cõi nghiệp.

“Người công chính ăn phần còn lại của lễ vật thì được giải thoát khỏi mọi tội lỗi. Nhưng kẻ tội lỗi chỉ nấu ăn vì lợi ích của mình thì chỉ ăn tội lỗi”.¹[C3.13].

Điều này ngụ ý rằng những người tham gia vào các nghi lễ với sự thuần khiết của ý chí tôn kính và tuân phục thần linh thì dù có tiêu thụ thức ăn còn lại (prasadam) của các lễ hiến sinh thì vẫn có được sự thanh tẩy tinh thần. Hành động của họ được xem là vô tư và phù hợp với đạo đức công chính. Còn những người dâng lễ vật với mục đích vị kỷ cá nhân, không quan tâm đến nguyên tắc tinh thần hoặc hạnh phúc của người khác, họ đã gây ra những hậu quả tiêu cực (tội lỗi). Hành động này là ngược lại với đạo đức.

Như vậy, vướng luật nghiệp hay không còn phụ thuộc sự tin vào Đấng thiêng liêng và tâm thế thực hành giáo lý.

“Những người tràn đầy đức tin luôn thực hành giáo lý này của Ta và những người tiếp nhận nó mà không tranh biện, ngay cả họ cũng sẽ được giải thoát khỏi Nghiệp chương”.¹[C3.31].

“Nhưng những ai chỉ trích lời dạy của Ta và những ai không thực hành lời dạy này của Ta - hãy biết rằng họ bị lừa dối nghiêm trọng và thiếu lý trí, và do đó bị lạc lối”.¹[C3.32].

-**Vai trò của Nghiệp trong sự tiến hóa tâm linh.** Ramanuja nhấn mạnh rằng những trải nghiệm do nghiệp mang lại đóng vai trò là cơ hội để phát triển tâm linh và tự giác ngộ. Nghiệp không chỉ được xem là những hậu quả hành động mà còn là một quan niệm rộng hơn, đan xen với những ý đồ trong hành động (động cơ), với sự tuân theo kỷ luật cũng như là sự đầu hàng trong tinh thần.

“Cống hiến mọi hành động của bạn cho Ta với một tâm trí tập trung vào Bản ngã, không có ham muốn và ích kỷ, không có sự nóng nảy, bạn sẽ tham gia vào trận chiến”.¹[C3.30].

Điều này nhấn mạnh rằng Nghiệp và giải nghiệp trở thành phương tiện để tiến hóa về mặt tinh thần khi các hành động được thực hiện phù hợp với ý chí. Nghiệp diễn ra với những hành động tích cực dẫn đến những thành quả xứng đáng, tạo điều kiện cho sự tiến bộ trên con đường tâm linh, trong khi những hành động tiêu cực dẫn đến đau khổ và cung cấp bài học cho hành động trong tương lai. Nghiệp tích cực trong bối cảnh này trở thành một công cụ để “thanh lọc trong tâm hồn” và liên kết với chân lý thiêng liêng. Nghiệp được đan xen với thái độ, với những hành động được thực hiện với đức tin và sự tuân phục được sự hướng dẫn của thần linh sẽ vượt qua Nghiệp thế gian và dẫn đến sự giải thoát. Như vậy, về thực chất Nghiệp có hai mặt: Một mặt, những hành động vị tha và tận tụy, phù hợp với giáo lý thiêng liêng sẽ nâng cao tâm hồn, giảm bớt gánh nặng của Nghiệp. Mặt khác, những hành động tiêu cực và sự từ chối trí tuệ tâm linh sẽ ràng buộc cá nhân vào chu kỳ sinh tử. Thực hành đức tin bằng sự buông bỏ và sự phục vụ vô vị lợi là những thực hành chính yếu giúp chuyển hóa Nghiệp thành con đường giải thoát về mặt tinh thần.

Kết nối lại những diễn giải trên chúng ta có một mạch dẫn của vấn đề Brahman và Atman như sau:

Trong thuyết phi nhị nguyên có phẩm tính thì Brahman là Đại ngã, là một thực tại siêu việt khách quan bao gồm toàn thể vũ trụ nhưng lại có bản chất nội tại chủ quan hàm chứa những tầng sâu lắng nhất của tâm hồn mỗi cá nhân. Brahman là nguồn sáng vũ trụ phóng chiếu tia sáng có phẩm tính Chân - Thiện - Mỹ vào các thực thể Sống được Prakrti sinh ra. Các thực thể Sống này đã được chuyển thể thành Atman. Tia sáng được Brahman phóng chiếu và lưu giữ trong Atman là Jiva. Jiva có bản tính của Brahman. Mặc dầu các thực thể Sống đều được Brahman tạo ra với phẩm tính nhân vị của Brahman là toàn Chân, toàn Thiện, toàn Mỹ nhưng không thể tạo ra các thực thể Sống toàn Chân - toàn Thiện - toàn Mỹ. Vì khi phóng chiếu tia sáng vào thực thể Sống cá nhân (Jiva) để tạo lập linh hồn bản ngã thì Jiva đã vướng vào yếu tố thể chất - tinh thần (Gunas) do Prakrti sinh ra. Tia sáng (Jiva) trong thực thể Sống (Atman) vì thế bị mờ đục, che lấp. Vì Jiva cũng chính là phần tử của Brahman nên Jiva không bị hủy diệt vì luôn dịch chuyển từ thực thể Sống đã chết hội nhập và điều khiển hoạt động thực thể Sống đang được sinh thành. Jiva cũng đã tạo nghiệp cho thực thể Sống trong thời gian cùng tồn tại trong thực thể Sống và dẫn dắt hành động của thực thể Sống nên cũng dự phần tạo nghiệp cho thực thể Sống.

Cần lưu ý dù Brahman tạo ra muôn vàn thực thể Sống, phóng chiếu tia sáng vào thực thể Sống, đặt định trong

đó tinh thần bản ngã (Jiva/Atman) nhưng các thực thể Sống này không thể hồi quy để thành tạo ra Brahman. Vì Brahman không hiện hữu qua thể chất hình hài. Brahman là thực thể Sống siêu nhiên. Nghĩa là Brahman tạo ra vô vàn thực thể Sống nhưng vô vàn thực thể Sống không tạo ra Brahman. Hơn nữa đây là những thực thể Sống khiếm khuyết thì không thể hợp thành Cái toàn thể hoàn hảo. Mỗi thực thể Sống là mỗi Jiva khác biệt. Mỗi tia sáng phóng chiếu của Brahman vào trong mỗi thực thể Sống gặp phải sự cấu tạo chất liệu (Gunas) của thực thể Sống khác nhau và hành động tạo Nghiệp của mỗi thực thể Sống khác nhau nên sự chế ngự dục tính trong tiến trình tu tập cũng rất khác nhau ở từng cá nhân. Vì vậy, có rất nhiều bậc thang khởi điểm cho những người thực hành miên mật trên con đường đến với Brahman. Nhưng tất cả phải bằng trí tuệ chân chính, mỗi người phải nỗ lực tu tập, thực hành thiền định và hướng sự tuân phục tuyệt đối về Brahman, trực nhận được linh hồn bản ngã (Jiva/Atman) từ bỏ mọi ràng buộc của dục tính, mới có thể thoát ra khỏi luân hồi sinh tử (Mosksa). Giải thoát có thể diễn giải như là sự tỏa sáng hoàn toàn vẹn nguyên của tia sáng Jiva mà Brahman đã phóng chiếu vào mỗi thực thể Sống để tạo lập linh hồn bản ngã (Jiva) cho mỗi cá nhân.

Sự hòa nhập của Jiva/Atman với Brahman là con đường thoát khỏi luân hồi sanh tử

Những diễn giải của Ramanuja về Gita Bhasya làm sáng tỏ mối quan hệ phức tạp giữa Nghiệp và Atman, làm nổi bật vai trò của hành động trong việc định hình số phận cá nhân và hướng dẫn sự tiến hóa tâm linh hướng tới sự giải thoát. Diễn giải của Ramanuja cũng làm sáng rõ nội dung của Bhagavad Gita rằng Brahman là Thượng đế là Tinh thần/ Linh hồn bản ngã của mọi thực thể Sống sinh linh. Thượng đế (Brahma) cũng chính là Atman trong mọi thực thể Sống đó. Atman là bất tử, không thay đổi và tham dự vào trật tự vũ trụ thiêng liêng. Mục tiêu cuối cùng của linh hồn cá nhân (Jiva) là nhận ra bản chất thực sự của mình như một thực thể Sống thiêng liêng và đạt được sự giải thoát (Moksha) thông qua sự tận tụy (Bhakti) đối với Đấng tối cao là Brahman mà cũng là thần Visnu. “Này Arjuna, đây được gọi là trạng thái Brahmi¹, đạt được trạng thái này không ai bị mê hoặc. Bằng cách ở

¹Trạng thái Brahmi/Brahmi-state Trạng thái này liên quan chặt chẽ đến khái niệm “Brahmavidya” hay tri thức về Brahman, được coi là tri thức cao nhất trong truyền thống tâm linh Hindu giáo. Nó được cho là vượt qua nhận thức thường ngày và liên quan đến thiền định sâu sắc, các phương pháp tâm linh và nhận thức về bản chất thật của bản thân và vũ trụ, dẫn đến sự thỏa mãn tâm linh và đạt được sự giải thoát.

trong trạng thái này ngay cả vào giờ chết, người ta đạt được Niết bàn”.¹ [C2.72.]

Đoạn văn này nhấn mạnh đến việc đạt được trạng thái Brahman, trong trạng thái đó người ta không bị ảo tưởng, và thậm chí vào lúc chết, đạt được sự giải thoát trong Brahman. Sự giải thoát này biểu thị sự tự do khỏi vòng luân hồi sinh tử (samsara).

”Từ thế giới của Brahma xuống thế giới của trái đất, tất cả đều phải quay trở lại, hỡi Arjuna. Nhưng, hỡi Kaunteya (Arjuna), khi đã đạt được Ta, sẽ không có sự tái sinh”.¹ [C8.16.].

Những con đường (yoga) dẫn đến sự giải thoát, bao gồm Karma Yoga (con đường của hành động vị tha), Ramanuja nhấn mạnh mối quan hệ cá nhân giữa Thần tối cao (Vishnu) và các jiva. Ông tin rằng Thần tối cao (Vishnu) có thể tiếp cận được và giao tiếp với các tín đồ theo cách yêu thương, nhấn mạnh tầm quan trọng của Bhakti (sự tận tâm) như con đường dẫn đến Moksha. Đối với Ramanuja, sự giải thoát đạt được thông qua sự tuân phục Thần Vishnu, làm nổi bật mối quan hệ qua lại trong đó Thần tối cao (Vishnu) tích cực tham gia vào sự cứu rỗi của các linh hồn cá nhân. Trong đó: Bhakti Yoga (con đường của sự sùng kính) là phương tiện chính yếu để đạt được sự giải thoát (Moksha). Bình luận của Ramanuja khẳng định rằng bản chất của Gita Bhasya là học thuyết về sự sùng kính, mà ông cho rằng rất quan trọng để nhận ra thực tại cao nhất. Kiến thức về Brahman (Jnana Yoga) đến từ việc hiểu thông qua các phẩm chất của Brahman (Saguna Brahman). Quan điểm này củng cố ý tưởng rằng các Jiva có thể biết và liên hệ với Thần tối cao (Vishnu) thông qua sự tận tâm tuân phục. Ramanuja diễn giải cách nhận ra Brahman dẫn đến sự giải thoát khỏi vòng luân hồi sinh tử (Samsara) bằng cách làm sáng tỏ sức mạnh chuyển hóa của sự nhận thức này.

+ *Vượt qua sự vô minh (Avidya)*: Ramanuja nhấn mạnh rằng sự vô minh (Avidya) là nguyên nhân gốc rễ của sự ràng buộc trong vòng luân hồi sinh tử.

”Trí tuệ bị che khuất bởi kẻ thù thường trực của người khôn ngoan, hỡi Arjuna, dưới hình thức ham muốn, thứ không thể thỏa mãn như lửa”.¹ [C3.39].

”Vì vậy, hỡi Arjuna, hãy kiểm soát các giác quan trước, giết chết thú lừa dối này [ham muốn] phá hủy cả kiến thức và sự phân biệt”.¹ [C3.41].

”Vì vậy, biết được điều gì lớn hơn trí tuệ và cố định tâm trí với sự trợ giúp của trí tuệ trong Karma Yoga, hỡi Arjuna, hãy giết chết kẻ thù ẩn nấp dưới cảm giác ham muốn là thứ khó có thể vượt qua”.¹ [C3.43].

Sự vô minh khiến các cá nhân đồng nhất với các khía cạnh giả tạm của sự tồn tại, chẳng hạn như cơ thể, tâm trí với bản ngã, thay vì nhận ra bản chất thực sự của bản ngã của họ mới là vĩnh cửu và thiêng liêng. Ramanuja cũng giải thích rõ ràng về Maya – một khái

niệm trung tâm trong Jnana Yoga. Maya là ảo tưởng trong cách nhìn về thế giới vật chất và Ramanuja giải thích sự vô minh (Avidya) đã che giấu bản chất thực sự của thực tại, khiến các cá nhân nhận thức thế giới tách biệt với Brahman. Thông qua kiến thức chân chính (Jnana), người ta có thể xuyên qua bức màn Maya và nhận thức được sự thống nhất cơ bản của sự tồn tại Atman và Brahman. Nhận ra bản ngã của cá nhân là Jiva của Atman (Nguồn sáng của Brahman) là linh hồn bất tử cùng với sự bất tử Brahman và nhận ra sự thống nhất cơ bản của mọi sự tồn tại thì sự vô minh mới được xóa bỏ.

Về thực hành sự giao tiếp thông qua trí tuệ (Jnana Yoga). Đây không chỉ là lý thuyết trừu tượng mà thực chất là hành trình khám phá sâu sắc về bản thân và vũ trụ thông qua nghiên cứu kinh văn tiến bộ và thực hành thiền định.

”Đó chính là Yoga cổ xưa mà giờ đây Ta dạy cho con, vì con là tín đồ và bạn của Ta; đó thực sự là bí ẩn cao nhất”.¹ [C4.3].

Ở đây, Krishna (hiện thân của thần Vishnu) nhấn mạnh đến chiều sâu và bí ẩn của kiến thức mà Thần truyền đạt. Kiến thức này vượt qua hành động đơn thuần và đi sâu vào sự hiểu biết về bản thân và thực tại tối thượng.

”Bất kỳ ai biết được sự thật về sự ra đời và hành động thiêng liêng của Ta, hỡi Arjuna, sẽ không tái sinh nữa, và sau khi rời khỏi cơ thể sẽ đến với Ta”.¹ [C4.9].

Ý nghĩa của việc biết được bản chất thiêng liêng về sự ra đời và hành động của Krishna được nêu bật. Trí tuệ thực sự nằm ở việc hiểu được bản chất siêu việt của thần linh và nhận ra chân lý tối thượng, dẫn đến sự giải thoát khỏi vòng luân hồi sinh tử.

”Trên thế gian này, không có sự thanh lọc nào giống như kiến thức; người hoàn thiện trong Yoga sẽ sớm tìm thấy điều này trong chính bản thân mình”.¹ [C4.38].

Câu cách ngôn này nhấn mạnh sức mạnh chuyển hóa của tri thức (Jnana). Tri thức thanh lọc tâm trí và tâm hồn, dẫn dắt một người đến với sự tự chứng ngộ và sự hoàn thiện về mặt tinh thần. Câu cách ngôn này cũng gợi ý rằng tri thức có được là thông qua Yoga (sự kết hợp với thần linh) thực hiện sự thanh lọc tâm hồn, thanh khiết hóa đời sống tâm linh. Những câu thơ này cùng nhau nhấn mạnh tầm quan trọng của tri thức (Jnana) trong Karma Yoga, cho thấy rằng sự tiến bộ tâm linh thực sự không chỉ bao gồm hành động bên ngoài mà còn bao gồm sự chuyển đổi bên trong thông qua việc trang bị tri thức và sự hiểu biết về thần linh.

Ramanuja phác thảo quá trình tự chứng ngộ thông qua Jnana Yoga, bao gồm việc nghiên cứu, chiêm

921 nghiêm và thiền định về kinh sách (đặc biệt là Upan-
922 ishads) dưới sự hướng dẫn của một giáo viên trí tuệ
923 và đức hạnh (Guru). Bằng cách tiếp thu các giáo lý
924 và trực tiếp trải nghiệm chân lý bên trong bản thân,
925 các cá nhân có thể đạt được sự giải thoát (Moksha)
926 và nhận ra bản sắc của mình với Brahman. Trong
927 Jnana Yoga, sự từ bỏ (Sannyasa) thường được nhấn
928 mạnh như một phương tiện để thoát khỏi những ràng
929 buộc và phiền nhiễu của thế gian, cho phép một người
930 tập trung một lòng vào việc theo đuổi kiến thức và tự
931 chứng ngộ. Ramanuja bàn luận về tầm quan trọng của
932 việc nuôi dưỡng sự không tham muốn (Vairagya) đối
933 với của cải vật chất để tạo điều kiện cho sự tiến bộ tâm
934 linh.

935 Nhìn chung, lời bình luận của Ramanuja về con
936 đường tri thức trong *Gita Bhasya* cung cấp những
937 hiểu biết sâu sắc về nền tảng triết học và phương pháp
938 thực hành của Jnana Yoga, hướng dẫn những người
939 đang tìm kiếm hành trình đi tới sự giác ngộ và giải
940 thoát.

941 **Thực hành sự giao tiếp bằng trí tuệ hiển minh hướng**
942 **về Brahman với lòng sùng kính, tuân phục tận tụy là**
943 **con đường giải thoát.**

944 Ramanuja đã chỉ ra Sri Krishna phác thảo nhiều con
945 đường sùng đạo và thiền định dẫn đến Đấng Tối cao.
946 Vai trò trung tâm của Bhakti: Ramanuja coi Bhakti là
947 con đường dễ tiếp cận và hiệu quả nhất để các cá nhân
948 đạt được sự giải thoát (Moksha). Trong khi các con
949 đường khác như kiến thức (Jnana) và hành động vị tha
950 (Karma Yoga) tạo nghiệp tốt cũng quan trọng nhưng
951 Bhakti vẫn được coi là con đường trực tiếp nhất để trải
952 nghiệm sự thiêng liêng. Ramanuja diễn giải những
953 câu thơ để cập cụ thể đến "Con đường" hay con đường
954 sùng đạo (Bhakti) như sau:

955 "Luôn thiền định với tâm trí kiên định nhờ thực
956 hành thường xuyên, không nghĩ đến bất cứ điều gì
957 khác, người ta sẽ đạt đến Đấng Tối cao Thần linh, hỡi
958 Arjuna!"¹[C8.8]

959 "Người nào thiền định về Đấng Toàn năng, Đấng
960 Nguyên thủy, Đấng Cai trị và Đấng Sáng tạo của tất
961 cả... sẽ đạt đến Đấng Tối cao Thần linh đó."¹[C8.9]

962 Từ sự phân tích bản tính cùng với sự tương hỗ giữa
963 Brahman và Atman là cơ sở để khẳng định Bhakti
964 yoga (con đường của lòng sùng kính) là phương tiện
965 chính để đạt được sự giải thoát nhưng phải cùng với
966 karma yoga (con đường của hành động) và Jnana
967 yoga (con đường của kiến thức).

968 + *Giải thoát thông qua sự từ bỏ* là một khái niệm chính
969 trong cách diễn giải Bhagavad Gita của Ramanuja
970 trong "Sri Bhashya". Theo cách diễn giải của Ra-
971 manuja, "Giải thoát thông qua sự từ bỏ" nhấn mạnh
972 tầm quan trọng của việc thực hiện các nhiệm vụ của
973 một người (Dharma) mà không quan tâm với thành

974 quả của hành động (phala). Trong bối cảnh này, từ
975 bỏ không có nghĩa là từ bỏ các nhiệm vụ hoặc trách
976 nhiệm của một người mà là thực hiện chúng một cách
977 vô tư, cống hiến kết quả cho một mục đích cao cả
978 và tuân phục với ý chí thiêng liêng. Bằng cách nuôi
979 dưỡng thái độ từ bỏ và tận tụy này, người ta có thể
980 đạt được sự giải thoát (Moksha) khỏi vòng luân hồi
981 sinh tử (Samsara).

+ *Sự tuân phục tận tụy*. Ramanuja nhấn mạnh Bhakti
982 (tận hiến) như một phương tiện để đạt được sự giải
983 thoát, trong đó người sùng đạo tuân phục thần linh
984 và phục vụ người khác bằng tình yêu thương và lòng
985 trắc ẩn.

+ *Thực hành vị tha*. Ramanuja nhấn mạnh tầm quan
987 trọng của hành động vị tha (Karma yoga) được thực
988 hiện trong sự tận tụy với Thượng Đế như một phương
989 tiện để thanh lọc tâm trí và chuẩn bị cho bản thân để
990 đạt được sự giác ngộ về mặt tâm linh. Ông cũng nhấn
991 mạnh tầm quan trọng của việc tuân phục bản ngã
992 (Jiva) và ham muốn của một người cho ý chí thiêng
993 liêng tối cao (Atman) người thực hành đạt được trạng
994 thái hòa hợp bên trong và hợp nhất với Đấng tối
995 cao. Ramanuja nhấn mạnh khái niệm phục vụ vô ngã
996 (Nishkama Karma) và việc thực hiện các hành động
997 vị tha như là thành phần thiết yếu của sự phát triển và
998 tận tụy về mặt tinh thần.

Tóm lại, sự tự tuân phục trong tư tưởng của Ramanuja
1000 là một hành động sùng đạo mở ra con đường giải
1001 thoát tâm linh thông qua ân sủng thiêng liêng, nhấn
1002 mạnh mối quan hệ cá nhân với Thần tối cao (Vishnu)
1003 hơn là sự hòa nhập trừu tượng với thực tại tối thượng.

1005 **Giá trị tư tưởng Ramanuja trong xã hội** 1006 **đương đại**

1007 Ramanuja với tư cách là một triết gia vừa là nhà thần
1008 học có ảnh hưởng trong phong trào Bhakti đã thành
1009 công trong xây dựng trường phái phi nhị nguyên có
1010 phẩm tính: Brahman không chỉ là tuyệt đối phi cá
1011 nhân mà còn sở hữu những phẩm chất như tình yêu
1012 vô hạn, lòng trắc ẩn và sự ân sủng. Brahman là Saguna
1013 Brahman (Brahman có thuộc tính).

1014 Ramanuja đã khai phá những giá trị đạo đức đích thực
1015 trong bản chất con người vốn bị che khuất bởi tri thức
1016 ảo tưởng (Maya) và hướng dẫn thực hành tâm linh
1017 trên hành trình đến với Brahman. Đây là con đường
1018 đi đến sự giải thoát khỏi vòng luân hồi sinh-tử. Giải
1019 thoát nói theo ngôn ngữ hình tượng là sự tỏa sáng
1020 hoàn toàn vẹn nguyên của tia sáng mà Brahman đã
1021 phóng chiếu vào mỗi thực thể Sống để tạo lập linh
1022 hồn bản ngã (Jiva) cho mỗi cá nhân. Giá trị lớn nhất
1023 mà Ramanuja để lại cho đời sau không chỉ là giá trị
1024 học thuật trong thần học Hindu giáo mà còn là giá trị

đạo đức có ý nghĩa phổ quát, không chỉ trong quá khứ mà còn trong xã hội đương đại hôm nay.

Qua làn sương mờ ảo của tư tưởng hữu thần tối linh của Ramanuja, con người được Brahman mặt truyền bản tính tình yêu, bản tính của trắc ẩn, bản tính biết ơn. Từ niềm tin mãnh liệt vào Brahman, sự khai mở của Ramanuja giúp chúng ta đến với niềm tin đầy tự hào là ai cũng có những bản tính này. Không đòi hỏi và không thể đòi hỏi mọi người phải tuân phục hoàn toàn trước ân sủng và sự hướng dẫn của đấng tối cao giác ngộ tâm linh. Trong đời thường mỗi người vẫn xây dựng được ý thức hoàn thành bốn phận và trách nhiệm của mình đối với tự nhiên, gia đình, xã hội. Với sự tận tụy và chân thành, các cá nhân vẫn đóng góp tích cực vào phúc lợi của xã hội và thế giới.

Không đòi hỏi và không thể đòi hỏi mọi người phải có lòng sùng kính và sự tuân phục tuyệt đối Đấng thiêng liêng con người vẫn có thể có hành động vị tha bao gồm việc phục vụ người khác một cách vô tư, không mong đợi bất cứ điều gì đáp lại. Ramanuja đã nhấn mạnh phục vụ người khác là biểu hiện của tình yêu thương và lòng trắc ẩn giúp các cá nhân vượt qua bản ngã và ham muốn ích kỷ. Không đòi hỏi và không thể đòi hỏi mọi người phải có niềm tin vào đấng thiêng liêng, trong đời thường mỗi người vẫn có thể tham gia vào quá trình thanh lọc tâm hồn dẫn đến sự chuyển hóa thiện lành trong đời sống nội tâm bằng cách nuôi dưỡng những phẩm chất như khiêm tốn, tử tế và khoan dung. Bằng những giá trị nêu trên các cá nhân phát triển được mối liên hệ sâu sắc với chính bản thân mình và với cộng đồng xã hội.

Trong bối cảnh xã hội mà niềm tin tâm linh ngày càng lan rộng, việc giáo huấn đạo đức trong những hình thức, sắc thái biểu cảm tâm linh sẽ phát huy sự diệu dụng của những giá trị này. Được giải thoát khi bước sang thế giới bên kia là điều mà những người sùng tín mong muốn. Vậy thì phải là người trí tuệ và hành động công chính trong thế giới bên này. Sự hiểu biết của Ramanuja về Atman có ý nghĩa đạo đức. Ông tin rằng việc nhận ra sự hiện diện thiêng liêng trong bản thân và người khác dẫn đến lòng trắc ẩn, lòng tốt và hành vi đạo đức. Bằng cách phục vụ người khác và sống hòa hợp với ý chí thiêng liêng, các cá nhân có thể tiến bộ về mặt tâm linh và cuối cùng đạt được sự giải thoát. Nếu sự hướng về Brahman được thay thế bằng sự hướng về Lý tưởng đạo đức của toàn nhân loại, mà trước hết tôn trọng thiên nhiên, bảo toàn sinh thái, góp phần xây dựng đạo đức sinh thái tôn giáo, thì thực tại của cuộc sống có thể sẽ được nâng lên tầm lý tưởng và lý tưởng sẽ dần trở về với thực tại. Xóa đi làn sương mờ tư tưởng hữu thần của Ramanuja, chúng ta có thể nhận ra rằng các giá trị nhân văn trong Gita Bhasya cần được củng cố trong xã hội ngày nay, mở

ra một hướng đi mới cho sự hòa hợp và hạnh phúc thực sự của Con người.

KẾT LUẬN

Ramanuja đã hoàn thành tâm nguyện của mình khi đã để lại cho các thế hệ sau một Gita Bhashya tường minh về con đường dẫn đến sự giải thoát ra khỏi vòng sinh tử. Tư tưởng này không chỉ có giá trị riêng cho những tín đồ Hindu giáo đang khát khao thoát khỏi kiếp nạn trầm luân mà còn giúp cho những ai hoang mang về giá trị thiện lương sẽ tìm thấy một điểm tựa bình an trong tâm hồn.

XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Nhóm tác giả không có bất kỳ xung đột lợi ích nào trong công bố bài báo.

ĐÓNG GÓP CỦA NHÓM TÁC GIẢ

Bài viết đã hệ thống những diễn giải của Ramanuja trong một mạch dẫn của các chủ đề: *Brahman – Atman – Con đường hòa nhập của Atman với Brahman thoát ra khỏi luân hồi sanh tử*. Qua đó làm rõ thế nào là thuyết phi nhị nguyên có phẩm tính cũng như giá trị của thuyết này trong trong thời hiện tại.

Tác giả Trần Kỳ Đồng viết phần Tóm tắt, phần Nội dung. Tác giả Lê Đăng Khoa viết phần Dẫn nhập và Kết luận.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. U.Ve. Sri Rama Ramanuja Achari. Śrīmad Bhagavad Gītā with Gita Bhasya of Bhagavad Ramanuja. 2013;Available from: srimatham.com.

Ramanuja's revelation to the Vishistadvaita Vedanta school in the work Gita Bhasya

Tran Ky Dong*, Le Dang Khoa



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

ABSTRACT

The consequences of industrialization in contemporary society are creating pessimistic feelings about the human condition. Re-examining the thoughts of Ramanuja - the founder of the Vishistadvaita school - through the scripture Śrīmad Bhagavad Gītā with Gita Bhasya of Bhagavad Ramanuja - can open up ways of living that meet the needs and aspirations of people in contemporary society. The article's content is developed mainly by applying the method of determining language (typology) and interpreting signs (semeion/sign) of hermeneutics. The authors attempt to faithfully recount Ramanuja's ideas from the perspective: of Brahman - Atman - The path of merging Atman with Brahman to escape from the cycle of birth and death, as a basis for approaching the basic content of the qualitative non-dual school (Vishistadvaita Vedanta) as well as determining the meaning of this perspective in contemporary society.

Brahman, in Ramanuja's interpretation, is not only the Supreme Being but also the Source of Light with the qualities of infinite love, compassion, and grace. Each entity of Life will become Atman when receiving the Jiva ray from Brahman. Liberation in spiritual contemplation is the complete and intact radiance of the ray (Jiva) that Brahman has projected into each Living entity, the path of merging Atman with Brahman. This path includes Jnana Yoga (enlightened knowledge), Karma Yoga (righteous action), and Bhakti Yoga (devotion).

If we remove the theistic mist from Ramanuja's thought, we can realize that the humanistic values in Ramanuja's Gita Bhasya can contribute to building global ethics - religious ecological ethics - opening a new direction for the practice of happiness in the life of contemporary humans.

Key words: Ramanuja, Gita Bhasya, Brahman, Atman, The path to liberation from the cycle of birth and death

University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

Correspondence

Tran Ky Dong, University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM
Email: kydongtran@hcmussh.edu.vn

History

- Received: 18/6/2024
- Revised: 13/3/2025
- Accepted: 30/3/2025
- Published Online:

DOI :



Copyright

© VNUHCM Press. This is an open-access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



Cite this article : Dong T K, Khoa L D. **Ramanuja's revelation to the Vishistadvaita Vedanta school in the work Gita Bhasya.** *Sci. Tech. Dev. J. - Soc. Sci. Hum.* 2025; ();1-1.